TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 394/2018/KDTM-PT
Ngày: 17/4/2018
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Toại.

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

2. Bà Nguyễn Thu Chinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Thúy Ái- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2017/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh bị Nguyên đơn và Bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1315/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH A. (Tên gọi mới: Công ty TNHH Procad Solutions).

Địa chỉ: Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978

Địa chỉ liên hệ: phường P, Quận 7, TP.HCM.

2. Bị đơn: Công ty TNHH B.

Địa chỉ: khu công nghiệp L, xã T, huyện B, TP.HCM.

Địa chỉ: thị trấn T, huyện B, TP.HCM.

(Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2017).

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

**** Đại diện Nguyên đơn trình bày:***

Ngày 01/06/2012, Công ty TNHH A (sau đây gọi tắt là Công ty A) và Công ty TNHH B (sau đây gọi tắt là Công ty B) đã ký Hợp đồng mua bán số 01/06/HĐMB/ProCAD/2012. Theo nội dung của hợp đồng, Công ty A bán cho Công ty B hàng hóa là sản phẩm phần mềm định danh, sử dụng công nghệ thiết kế và sản xuất bằng máy tính, công nghệ Cad/Cam (Cad/Cam viết tắt của computer aided design/computer aided manufacturing, là một kỹ thuật thiết kế và sản xuất thông qua sự trợ giúp máy vi tính). Theo đó, Công ty B phải tạm ứng tiền đợt 1 là 50% giá trị hợp đồng cho Công ty A, thời gian để thực hiện việc tạm ứng đợt 1 là trong vòng (03) ngày kể từ ngày ký hợp đồng, tức chậm nhất vào ngày 04/06/2012 (khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng). Và thanh toán 4 đợt tiếp theo, mỗi đợt tương đương 21.000.000 (Hai mươi mốt triệu) đồng vào 5 ngày đầu mỗi tháng kế tiếp năm 2012 (Tháng 7, 8, 9, 10). Đồng thời, Công ty A có trách nhiệm giao hàng trong vòng hai tuần làm việc kể từ ngày nhận được tạm ứng đặt hàng (khoản 3.2. Điều 3 Hợp đồng).

Sau khi ký hợp đồng, ngày 05/06/2012, Công ty B đã ký "*Licensed Software Designation Agreement"* – tạm gọi là thỏa thuận về việc cấp phép sử dụng phần mềm định danh số 216217 đối với phần mềm đã đặt hàng - NX CAD/CAM Milling Foundation NX 12450 với bên đối tác là Công ty Sunway E – Systems (Singapore) Pte, Ltd (Đơn vị bán phần mềm này cho Công ty D). Chính vì vậy, Công ty A đã tiến hành đặt hàng và thanh toán cho Công ty E. Cụ thể:

Ngày 19 tháng 06 năm 2012, Công ty A đã đặt hàng với Công ty E để mua mặt hàng NX CAD/CAM Milling Foundation NX 12450 như Công ty B yêu cầu.

Công ty A đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền hàng cho phía đối tác - Công ty E thông qua hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng TMCP Y – Chi nhánh S. Thanh toán vào ngày 23/10/2012 và 21/12/2012.

Những thông tin về hóa đơn do Công ty E xuất đều thể hiện nội dung bên nhận hàng là Công ty B và hóa đơn thu tiền gửi về cho Công ty A.

Tuy nhiên, phía Công ty B vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho Công ty A và nhận hàng. Công ty A đã nhiều lần gọi điện thoại nhắc nhở và gửi văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ nhưng Công ty A vẫn không nhận được sự hợp tác từ phía Công ty B. Trong khi đó, số hàng hóa mà Công ty A mua về theo yêu cầu của Công ty B cũng không thể bán lại cho bất kỳ bên thứ 3 nào khác.

Việc giao kết hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, hợp đồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, tức là ngày 01/06/2012 (Điều 405 Bộ luật Dân sự 2005, khoản 6.3 Điều 6 Hợp đồng). Và các bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ những điều khoản được quy định trong hợp đồng (Khoản 6.1 Điều 6 Hợp đồng).

Với sự trình bày trên đây, rõ ràng, Công ty B đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 hợp đồng 01/06/HĐMB/ProCAD/2012, vi phạm khoản 1, 2 Điều 50 Luật thương mại 2005. Chính vì vậy, Công ty A làm đơn khởi kiện Công ty B về việc vi phạm Hợp đồng số 01/06/HĐM/ProCAD/2012.

Công ty A khởi kiện Công ty B với yêu cầu như sau:

1. Hủy toàn bộ Hợp đồng số 01/06/HĐNB/ProCAD/2012 giữa Công ty A và Công ty B.

2. Buộc Công ty B phải bồi thường thiệt hại cho Công ty A những khoản tiền sau đây:

- Khoản tiền 136.832.000 đồng là số tiền mà Công ty A đã thanh toán tiền mua hàng hóa (phần mềm) cho phía đối tác nước ngoài, tương đương 6.400 USD x 21.380 đ/USD.

- Khoản tiền 31.168.000 đồng là khoản tiền lợi nhuận trực tiếp mà lẽ ra Công ty Chuyên Nghiệp được hưởng nếu Công ty B không vi phạm hợp đồng.

- Khoản tiền 40.219.200 đồng là số tiền lãi suất tính theo mức lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng tại thời điểm mà Công ty A đã thanh toán tiền mua hàng là 0,0375%/ngày đối với toàn bộ số tiền mà Công ty A đã thanh toán đối tác nước ngoài theo từng đợt (2 đợt) đến nay (tạm tính đến ngày 30/01/2015) và số tiền lãi phát sinh cho đến thời điểm xét xử.

**** Đại diện Bị đơn trình bày:***

Công ty B xác nhận là Công ty B đã ký Hợp đồng mua bán số 01/06/HĐMB/ProCAD/2012 ngày 01/6/2016 và phụ lục Hợp đồng số 01-06/PLHĐ ngày 21/6/2012 với Công ty A. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng nêu trên thì Công ty B có yêu cầu Công ty A cử kỹ sư đến để hướng dẫn cài đặt phần mềm nhưng Công ty A không cử kỹ sư đến theo yêu cầu của Công ty B. Do đó, Công ty B đã điện thoại báo với Công ty A yêu cầu hủy hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Vì đã hủy hợp đồng với Công ty A nên Công ty B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo như tiến độ đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nay Công ty B có ý kiến như sau: đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty A, Công ty B chấp nhận hủy toàn bộ Hợp đồng số 01/06/HĐNB/ProCAD/2012 đã ký ngày 01/6/2012 giữa Công ty A và Công ty B; Nhưng Công ty B không đồng ý bồi thường thiệt hại cho Công ty A số tiền 136.832.000 (một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm ba mươi hai ngàn) đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A đối với Công ty TNHH B.

1.1. Hủy Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/06/HĐNB/ProCAD/2012 ký ngày 01/6/2012 giữa Công ty TNHH A và Công ty TNHH B.

1.2. Công ty TNHH B có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH A số tiền 84.000.000 (tám mươi bốn triệu) đồng theo phương thức trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về việc thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09/10/2017, Công ty A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm, tuyên buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 136.832.000 đồng.

Ngày 12/10/2017, Công ty B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, không xem xét toàn diện các vấn đề liên quan trong vụ án, giải quyết không đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Đại diện Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh- Bà Trần Thị Thúy Ái phát biểu có nội dung chính như sau: Nhận thấy Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn và yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thừa nhận nội dung bản án sơ thẩm do Hội đồng xét xử tóm tắt là đúng như bản án sơ thẩm và không có đương sự nào cung cấp thêm chứng cứ mới. Xét Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, TP.HCM thụ lý giải quyết tranh chấp về "hợp đồng mua bán hàng hóa", giữa Công ty A với Công ty B là đúng trình tự, thủ tục thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyên đơn và Bị đơn nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đơn kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của Công ty A và đơn kháng cáo của Công ty B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty B cho rằng Công ty B đã báo bằng điện thoại với Công ty A về việc yêu cầu hủy bỏ hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký với Công ty A nên Công ty B không thanh toán tiền hàng hóa và cũng không nhận hàng hóa do Công ty A giao. Xét, Công ty A không thừa nhận có nội dung này và Công ty B không chứng minh được việc Công ty B và Công ty A cùng thống nhất hủy Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/06/HĐMB/ProCAD/2012 mà hai bên đã ký kết.

[3] Căn cứ vào các điều khoản mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng thì Công ty A và Công ty B đã thỏa thuận (tại mục 2.1 Điều 2 của hợp đồng): sau khi ký hợp đồng 03 (ba) ngày Công ty B phải thanh toán cho Công ty A số tiền là 84.000.000 đồng nhưng quá thời hạn nêu trên Công ty B không thanh toán số tiền như đã thỏa thuận. Điều này thể hiện Công ty B không có thiện chí trong việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa mà hai bên đã ký kết. Đồng thời, thỏa thuận giữa Công ty A và Công ty B (tại mục 3.2 Điều 3 của hợp đồng) quy định: Thời hạn giao hàng: trong vòng 02 tuần làm việc (không kể thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ) kể từ ngày nhận được tạm ứng của Công ty B. Khi Công ty B vi phạm về điều khoản thanh toán trong hợp đồng thì Công ty A cần làm rõ Công ty B có muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng mà hai bên đã ký kết hay không. Do đó, Công ty A phải chịu thiệt hại (nếu có) xảy ra. Công ty B cho rằng đã đề nghị Công ty A hủy bỏ hợp đồng nhưng Công ty B không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh về việc Công ty A chấp nhận yêu cầu xin hủy bỏ hợp đồng của Công ty B. Tiểu mục 5.2 Điều 5 của hợp đồng mua bán mà hai bên đã ký kết quy định: "Hai bên có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Bên nào tự ý hủy bỏ hợp đồng phải chịu thanh toán cho bên kia 50% trên tổng giá trị của toàn bộ lô hàng. Nếu có gì thay đổi,

bổ sung phải có sự đồng ý của hai bên bằng văn bản". Do đó, Công ty B phải bồi thường thiệt hai cho Công ty A 50% giá trị của hợp đồng như đã thỏa thuận là: ½ x 168.000.000 = 84.000.000 đồng, như quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn và yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1, Điều 308; Khoản 1, Điều 148; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn và yêu cầu kháng cáo của Bị đơn.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A đối với Công ty TNHH B.

1.1. Hủy Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/06/HĐNB/ProCAD/2012 ký ngày 01/6/2012 giữa Công ty TNHH A với Công ty TNHH B.

1.2. Công ty TNHH B có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH A số tiền 84.000.000 (*Tám mươi bốn triệu*) đồng theo phương thức trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Công ty TNHH B và Công ty TNHH A thực hiện việc giao và nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Công ty TNHH B không thực hiện việc trả tiền thì Công ty TNHH A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc Công ty TNHH B trả tiền. Kể từ khi Công ty TNHH A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH B chậm trả tiền thì Công ty TNHH A còn phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Công ty TNHH B chịu 4.200.000 (*Bốn triệu hai trăm ngàn*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH A chịu 2.641.600 (*Hai triệu sáu trăm bốn mươi mốt ngàn sáu trăm*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền 4.999.903 (*Bốn triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm lẻ ba*) đồng mà Công ty TNHH A đã đóng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2012/06405 ngày 16/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Công ty TNHH A

được nhận lại số tiền 2.358.303 (*Hai triệu ba trăm năm mươi tám ngàn ba trăm lẻ ba*) đồng tiền chênh lệch.

3. Án phí phúc thẩm:

- Công ty TNHH A phải chịu 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng kháng cáo đã nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0030512 ngày 10/10/2017 và 1.700.000 (*Một triệu bảy trăm ngàn*) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0030802 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH B chịu 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng kháng cáo mà Công ty TNHH B đã nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0030548 ngày 16/10/2017 và 1.700.000 (*Một triệu bảy trăm ngàn*) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0030766 ngày 13/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Công Toại

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thị Thu Hà **Biện Thị Hoa** **Ủ Thị Bạch Yến**